THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/2020/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và thay thế Quyết định số 04/2014/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: V.I, QHQT, KTTH, TH, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2). 112

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2020/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán khác không phải của Việt Nam (sau đây gọi là trọng tài quốc tế). Quy chế này không áp dụng đối với các việc giải quyết khiếu kiện về đầu tư được giải quyết tại trọng tài, tòa án hoặc cơ quan, tổ chức của Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tranh chấp đầu tư quốc tế là tranh chấp phát sinh từ việc nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ, Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước) theo một trong các trường hợp sau:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư hoặc hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế;

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có quy định cơ quan giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận này là trọng tài quốc tế.

2. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc cá nhân đáp ứng các tiêu chí về nhà đầu tư nước ngoài theo hiệp định đầu tư liên quan mà Việt Nam là thành viên.

3. Cơ quan chủ trì là cơ quan được xác định theo Điều 5 của Quy chế này.

4. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ là Bộ Tư pháp.

5. Biện pháp bị kiện là việc làm, quyết định hoặc biện pháp của cơ quan nhà nước mà nhà đầu tư nước ngoài cho rằng vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan là cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được cơ quan chủ trì mời hoặc yêu cầu tham gia giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

7. Tổ công tác liên ngành là Tổ công tác do cơ quan chủ trì thành lập, có đại diện một số bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ tư vấn cho cơ quan chủ trì trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

8. Nhân chứng là người biết về các tình tiết liên quan của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp đầy đủ, hiệu quả, kịp thời trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật Việt Nam để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

2. Cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm giữ bí mật Nhà nước, bí mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo đúng quy định trong tố tụng trọng tài quốc tế và quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đúng các nguyên tắc nêu tại Điều này.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Trao đổi thông tin, tài liệu giữa các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài nhằm phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

a) Cử người có đủ năng lực của cơ quan, tổ chức mình tham gia Tổ công tác liên ngành giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế khi được cơ quan chủ trì yêu cầu.

b) Tham gia thương lượng, hòa giải các tranh chấp đầu tư quốc tế.

c) Xây dựng và thực hiện chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

d) Thu thập và cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ và tài liệu phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

đ) Xử lý các nội dung liên quan đến phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

e) Thực hiện các công việc khác trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 5. Cơ quan chủ trì

1. Cơ quan chủ trì là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có biện pháp bị kiện hoặc đe dọa bị kiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Trong trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế có các biện pháp bị kiện của hai hoặc nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan này phải thống nhất cơ quan chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ý định khởi kiện.

Trường hợp không thống nhất được cơ quan chủ trì, cơ quan nhận được thông báo ý định khởi kiện thông báo cho cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ để báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì trên nguyên tắc cơ quan chủ trì là cơ quan có liên quan nhiều nhất tới biện pháp bị kiện và có năng lực phù hợp nhất để giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì đàm phán, ký hoặc thay mặt Nhà nước, Chính phủ Việt Nam ký hợp đồng, thỏa thuận, cam kết với nhà đầu tư nước ngoài là cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, cam kết đó.

3. Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh khi nhà đầu tư nước ngoài kiện Nhà nước, Chính phủ Việt Nam liên quan đến khoản vay, nợ của Chính phủ hoặc khoản vay, nợ được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật quản lý nợ công; tranh chấp đầu tư quốc tế liên quan đến việc áp dụng pháp luật về tài chính, thuế.

4. Trong trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế phức tạp có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ đối ngoại, an ninh hoặc quốc phòng, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì

1. Tiếp nhận, xử lý các thông tin, tài liệu liên quan đến việc đề nghị thương lượng và khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Chủ trì tổ chức thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài theo cam kết với nhà đầu tư nước ngoài hoặc cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam.

3. Làm đầu mối liên lạc, trao đổi với nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và với trọng tài quốc tế giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Chủ trì, phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc chỉ định trọng tài viên.

7. Chủ trì, phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ quyết định lựa chọn, đàm phán, ký kết, quản lý hợp đồng thuê tổ chức hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là luật sư) giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, mời nhân chứng, thuê chuyên gia trên cơ sở đề xuất của luật sư.

8. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xử lý các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế.

9. Tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế.

10. Chủ trì tổ chức hòa giải, thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Quy chế này.

11. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước để thực hiện phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

12. Tạo điều kiện cho thành viên Tổ công tác liên ngành tiếp cận tài liệu, thông tin liên quan; quyết định cung cấp thông tin cho cơ quan ngôn luận, báo chí; và chịu trách nhiệm về an toàn thông tin, đảm bảo bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

13. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế theo Quy chế này, quy định pháp luật và trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

14. Ban hành các quy tắc, nội quy phù hợp cho việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể trên cơ sở Quy chế này và pháp luật liên quan.

15. Ký văn bản gửi trọng tài quốc tế thông báo công ty luật đại diện cho Chính phủ.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ

1. Làm đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Xây dựng, cập nhập danh sách các chuyên gia pháp lý có thể làm trọng tài viên và danh sách tổ chức hành nghề luật sư có thể làm luật sư cho cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ của các bộ, ngành, địa phương về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Phối hợp, hỗ trợ cơ quan chủ trì khi được yêu cầu đối với các công việc sau đây:

a) Tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Thuê luật sư, chỉ định trọng tài viên;

c) Xây dựng, thực hiện chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể;

d) Tham gia phiên xét xử vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

đ) Cử đại diện tham gia Tổ công tác liên ngành;

e) Thực hiện phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Cung cấp đầy đủ, hiệu quả, kịp thời, chính xác thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và ý kiến về các nội dung liên quan theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và/hoặc cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ; trường hợp đặc biệt không thể cung cấp, phải nêu rõ lý do;

2. Cử thành viên tham gia Tổ công tác liên ngành theo đúng yêu cầu của cơ quan chủ trì;

3. Giữ bí mật thông tin, tài liệu và bí mật nhà nước có được trong quá trình giải quyết tranh chấp;

4. Phối hợp hiệu quả với cơ quan chủ trì và cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo đúng yêu cầu của cơ quan chủ trì và cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ phù hợp với khả năng chuyên môn hoặc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

Chương II
PHỐI HỢP TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Xử lý khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, cam kết với nhà đầu tư nước ngoài và cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam.

2. Trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức nhận được thông tin về khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài nhưng không có thẩm quyền giải quyết, cơ quan nhà nước, tổ chức đó phải hướng dẫn nhà đầu tư nước ngoài gửi đến cơ quan có thẩm quyền và thông báo việc này đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trường hợp không thể giải quyết dứt điểm khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài nêu tại Điều 9 Quy chế này, cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ đề xuất giải pháp xử lý, phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp có đủ các dấu hiệu sau:

1. Biện pháp nhà đầu tư khiếu nại, tố cáo, vướng mắc có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, hiệp định đầu tư hoặc cam kết khác với nhà đầu tư nước ngoài;

2. Có khả năng phát sinh vụ kiện tranh chấp đầu tư quốc tế.

Chương III
PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 11. Trách nhiệm thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài

Cơ quan chủ trì được xác định theo Điều 5 Quy chế này nhận được yêu cầu thương lượng hoặc thông báo ý định khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến tranh chấp, bất đồng trong hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải phối hợp ngay với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ để chủ trì thương lượng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thương lượng.

Điều 12. Tiếp nhận thông tin, tài liệu về tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tiếp nhận thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân không phải là cơ quan chủ trì nếu nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao toàn bộ thông tin, tài liệu đã nhận trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đó đến cơ quan chủ trì hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ nếu không xác định được cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản hoặc thông báo từ nguồn khác, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ phải gửi văn bản kèm theo bản sao toàn bộ hồ sơ nhận được đến cơ quan chủ trì hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 13. Thông báo về việc nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản kèm theo các thông tin, tài liệu liên quan đến cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

2. Nội dung văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tên, quốc tịch của nhà đầu tư nước ngoài;

b) Căn cứ khởi kiện và biện pháp bị khởi kiện;

c) Cơ quan trọng tài quốc tế giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

d) Các tình tiết của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

đ) Yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài;

e) Đánh giá sơ bộ ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

g) Tên cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được đề nghị hoặc yêu cầu phối hợp và các thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu cần được cung cấp để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

h) Các nội dung cần thiết khác cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phối hợp theo khoản 2 Điều này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hoặc yêu cầu của cơ quan chủ trì có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu.

4. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp bổ sung thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và cử người tham gia Tổ công tác liên ngành phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp bổ sung thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và cử người tham gia Tổ công tác liên ngành theo yêu cầu của cơ quan chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

5. Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể đáp ứng thời hạn 05 ngày làm việc theo khoản 3 và khoản 4 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải thông báo lại với cơ quan chủ trì, trong đó nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành sớm nhất có thể.

Điều 14. Xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Ngay khi nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì khẩn trương phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) xây dựng Bản đánh giá ban đầu về vụ việc và đề xuất phương án giải quyết.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện chính thức của nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) xây dựng chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tóm tắt vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và cơ sở pháp lý liên quan;

b) Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của phía Việt Nam và của nhà đầu tư nước ngoài;

c) Trình bày quy trình tố tụng đối với vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và nhiệm vụ của cơ quan chủ trì, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong các bước của quy trình tố tụng này;

d) Việc sử dụng luật sư, chỉ định trọng tài viên (nếu có);

đ) Đề xuất các phương án xử lý vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó có phương án thương lượng, hòa giải;

e) Nhận xét, kiến nghị liên quan.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo khoản 1 Điều này có trách nhiệm phê duyệt chiến lược này và gửi cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

4. Trong quá trình thực hiện chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được phê duyệt, nếu cần thiết, cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập) sửa đổi, bổ sung chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung đó theo quy định tại Điều này và báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo khoản 1 Điều này.

5. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo quản theo chế độ mật.

Điều 15. Thành lập, giải thể Tổ công tác liên ngành

1. Tùy theo tính chất của vụ việc, cơ quan chủ trì quyết định việc thành lập và hoạt động của Tổ công tác liên ngành.

2. Tổ công tác liên ngành được thành lập khi vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được đưa ra trọng tài quốc tế. Trong trường hợp cần thiết, Tổ công tác liên ngành có thể được thành lập sau khi cơ quan chủ trì nhận được thông báo ý định khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

3. Thành viên Tổ công tác liên ngành gồm đại diện của cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là lãnh đạo của cơ quan chủ trì.

Phó Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành được xác định như sau:

a) Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam là bị đơn theo điểm a khoản 1 Điều 2 Quy chế này, Phó Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam là bị đơn theo điểm b khoản 1 Điều 2 Quy chế này, Phó Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là đại diện của Bộ Tư pháp;

c) Trong trường hợp một cơ quan nhà nước cụ thể của Việt Nam (không phải là Chính phủ Việt Nam) là bị đơn, Phó Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là đại diện của cơ quan nhà nước cùng cấp với cơ quan chủ trì và do cơ quan chủ trì quyết định.

4. Tổ công tác liên ngành tự giải thể và chấm dứt hoạt động sau khi vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế kết thúc.

Điều 16. Nhiệm vụ của Tổ công tác liên ngành

1. Tổ công tác liên ngành có các nhiệm vụ sau:

a) Tư vấn cho cơ quan chủ trì và cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.

b) Hỗ trợ cơ quan chủ trì thực hiện chiến lược tổng thể giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế đã được phê duyệt.

2. Thành viên Tổ công tác liên ngành có ý kiến về các vấn đề theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên.

Điều 17. Chế độ làm việc của Tổ công tác liên ngành

1. Thành viên Tổ công tác liên ngành hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Thành viên Tổ công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành và có trách nhiệm tham gia đầy đủ, hiệu quả các hoạt động của Tổ công tác liên ngành. Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành quyết định việc luật sư tham gia các hoạt động của Tổ công tác liên ngành.

3. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm bố trí một bộ phận giúp việc cho Tổ công tác liên ngành để thực hiện các công việc hành chính và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các hoạt động của Tổ công tác liên ngành.

Điều 18. Phối hợp cung cấp tài liệu cho trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì, phối hợp với Tổ công tác liên ngành (nếu có), cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) thu thập các tài liệu trên cơ sở yêu cầu cung cấp tài liệu của trọng tài quốc tế.

2. Cơ quan chủ trì, phối hợp với Tổ công tác liên ngành (nếu có) quyết định các văn bản mà phía Việt Nam có thể cung cấp, các văn bản không cung cấp.

Điều 19. Xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế theo quy trình tố tụng giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm góp ý bằng văn bản đối với dự thảo các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của cơ quan chủ trì, trừ khi cơ quan chủ trì có yêu cầu thời hạn trả lời khác để đảm bảo thời hạn tố tụng.

3. Khi nộp các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản cho hội đồng trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi một bản sao đến cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

Điều 20. Tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) chuẩn bị nội dung tham gia phiên xét xử tại trọng tài quốc tế.

2. Tùy theo tính chất vụ việc, cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) quyết định thành phần tham gia phiên xét xử.

Điều 21. Xử lý các vấn đề liên quan sau phiên xét xử của trọng tài quốc tế

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên xét xử tại trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ và cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về diễn biến phiên xét xử.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xử lý các vấn đề phát sinh sau phiên xét xử; sau phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

3. Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam (hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam) phải bồi thường cho nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp trình cơ quan có thẩm quyền phương án chi trả, đảm bảo thực hiện đúng phán quyết, quyết định và quy định của pháp luật Việt Nam liên quan.

Điều 22. Công nhận và thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế

Cơ quan chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và luật sư (nếu có) thực hiện việc công nhận và thi hành tại Việt Nam hoặc nước ngoài phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế trong trường hợp việc công nhận và thi hành có lợi cho Việt Nam.

Điều 23. Tổng kết, đánh giá việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Sau khi giải quyết xong vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì, phối hợp với cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá việc giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, rút ra các bài học kinh nghiệm và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 24. Thuê luật sư

1. Tùy theo tính chất phức tạp của từng vụ tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành và luật sư thương lượng và quyết định việc lựa chọn, thuê luật sư.

2. Quy trình lựa chọn luật sư được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan chủ trì ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với luật sư sau khi báo cáo kết quả đàm phán theo quy trình nêu tại khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan quản lý chặt chẽ, bảo đảm thực hiện đúng hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với luật sư.

Điều 25. Nhân chứng

1. Tùy theo yêu cầu của vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, theo tư vấn của luật sư (nếu có), cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan mời nhân chứng phục vụ quá trình giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Việc chi trả các chi phí cho nhân chứng, bao gồm chi phí ăn ở, đi lại và chi bù đắp tổn thất về ngày công lao động cho nhân chứng được thực hiện theo quy định tại Chương IV Quy chế này.

Điều 26. Thuê chuyên gia

1. Tùy theo yêu cầu của vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, trên cơ sở đề xuất của luật sư, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) quyết định việc thuê chuyên gia phục vụ quá trình giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, đảm bảo việc lựa chọn hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về thời gian trong tố tụng.

2. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm quản lý công việc của chuyên gia trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận giữa cơ quan chủ trì và chuyên gia.

3. Việc trả phí cho chuyên gia thực hiện theo quy định tại Chương IV Quy chế này.

Điều 27. Hòa giải

1. Trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, trên cơ sở diễn biến cụ thể, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành nghiên cứu, đánh giá khả năng và xây dựng phương án hòa giải, phù hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Phương án hòa giải đảm bảo giải quyết dứt điểm tranh chấp đầu tư quốc tế, quyền và lợi ích của Việt Nam và phù hợp với diễn biến thực tế của quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Trong trường hợp phương án hòa giải được phê duyệt theo khoản 1 Điều này, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành và luật sư (nếu có) tiến hành hòa giải theo đúng phương án đã được phê duyệt.

Chương IV
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 28. Kinh phí phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trường hợp cơ quan chủ trì là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, kinh phí phục vụ giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách trung ương đảm bảo.

2. Trường hợp cơ quan chủ trì là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, kinh phí phục vụ giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định về phân cấp ngân sách.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự toán kinh phí của cơ quan chủ trì, cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm thẩm định kinh phí phục vụ giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế và phối hợp với cơ quan chủ trì báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định.

4. Trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, khi cần thiết, cơ quan chủ trì có quyền chủ động sử dụng kinh phí thường xuyên cấp cho cơ quan đó để phục vụ các hoạt động giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế và sau đó được cấp bù theo dự toán kinh phí được phê duyệt theo khoản 3 Điều này.

5. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trong toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 29. Kinh phí tham gia của các cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Kinh phí phục vụ thực hiện nhiệm vụ đại diện pháp lý cho Chính phủ được cấp trong kinh phí hoạt động hằng năm của Bộ Tư pháp.

2. Kinh phí phục vụ thực hiện các hoạt động trong phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được cấp cho cơ quan chủ trì theo từng vụ việc cụ thể (bao gồm cả chi phí phục vụ hoạt động của Tổ công tác liên ngành) và được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Chi phí làm đêm, làm thêm giờ cho cán bộ thực hiện các nhiệm vụ chuyên trách về giải quyết tranh chấp và các chi phí khác nhằm tăng cường hiệu quả cho hoạt động giải quyết tranh chấp gồm chi phí cho việc tra cứu dữ liệu pháp luật quốc tế và trong nước, chi phí nâng cao năng lực hàng năm được cấp trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì và cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

4. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung kinh phí phục vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo đề nghị của cơ quan chủ trì và cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

Điều 30. Kinh phí thực hiện thỏa thuận hòa giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế

1. Bộ Tài chính bố trí nguồn kinh phí chi trả bồi thường theo quy định của thỏa thuận hòa giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế từ ngân sách nhà nước trung ương trong trường hợp biện pháp bị kiện là của cơ quan nhà nước ở trung ương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn kinh phí chi trả bồi thường theo quy định của thỏa thuận hòa giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế từ ngân sách địa phương trong trường hợp biện pháp bị kiện là của cơ quan nhà nước ở địa phương.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy chế này và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp khi được yêu cầu để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này và sao gửi Bộ Tư pháp.

Điều 32. Đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quy chế

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc